

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

---

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

TP. Nha Trang , Tỉnh Khánh Hòa , tháng 08 năm 2007

## MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Định nghĩa .....	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	2
Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Thời hạn hoạt động của Công ty .....	2
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	3
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	3
Điều 4. Hoạt động của tổ chức đảng và các tổ chức chính trị - xã hội khác.....	3
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	3
Điều 5. Vốn điều lệ, Cổ phần.....	3
Điều 6. Sổ Đăng Ký Cổ Đông.....	4
Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu.....	5
Điều 8. Chuyển nhượng Cổ phần .....	6
Điều 9: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông .....	6
Điều 10: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty .....	7
Điều 11. Thu hồi cổ phần.....	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	8
Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý .....	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	8
Điều 13. Quyền hạn của Cổ đông Công ty.....	8
Điều 14. Nghĩa vụ của các Cổ đông .....	9
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông .....	9
Điều 16. Quyền và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	10
Điều 17. Các Đại diện được ủy quyền.....	11
Điều 18. Thay đổi các Quyền.....	12
Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình Họp và Thông báo.....	12
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông và lập Biên bản đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 21. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản .....	15
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	15
Điều 22. Thành phần và Nhiệm kỳ.....	15
Điều 23. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	16
Điều 24. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	19
Điều 25. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản trị .....	19
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC , NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....	21
Điều 26. Tổ chức bộ máy quản lý .....	21
Điều 27. Tổng giám đốc .....	22
IX. TRÁCH NHIỆM ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	23
Điều 28. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý .....	23
Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	23
X. THU KÝ CÔNG TY.....	24
XI. BAN KIỂM SOÁT .....	24
Điều 31. Bổ nhiệm Ban kiểm soát.....	24

XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....	26
Điều 32. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....	26
XIII. CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ CÔNG ĐOÀN.....	26
Điều 33. Chế độ chính sách và Công đoàn.....	26
XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	26
Điều 34. Trích lập các quỹ - Cổ tức.....	26
XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	27
Điều 35. Tài khoản ngân hàng .....	27
Điều 36. Năm tài chính.....	27
Điều 37. Hệ thống Kế toán .....	27
XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN.....	28
Điều 38. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	28
Điều 39. Kiểm toán .....	28
XVII. CON DẤU .....	29
Điều 40. Con dấu .....	29
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	29
Điều 41. Chấm dứt hoạt động .....	29
Điều 42. Thanh lý.....	29
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	30
Điều 43. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	30
XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....	30
Điều 44. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ.....	30
XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....	30
Điều 45. Ngày hiệu lực.....	30

Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang được thành lập theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999 và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số vào ngày tháng năm.

Điều lệ của Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang (sau đây gọi là "Công ty") là cơ sở cho toàn bộ các hoạt động của Công ty. Các hoạt động tổ chức, quản trị, kinh doanh, đầu tư, tài chính và các hoạt động khác của Công ty đều phải được tiến hành theo đúng những quy định tại Điều lệ này và Pháp luật hiện hành.

Điều lệ này được xây dựng tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Pháp luật hiện hành. Điều lệ này sẽ được sửa đổi để giữ đúng tính tuân thủ khi có những thay đổi của Pháp luật hiện hành.

Điều lệ này được thông qua tại kỳ họp Đại hội Đồng Cổ đông ngày / 5 / 2006.

## **I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

### **Điều 1. Định nghĩa**

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
  - a) "**Hội đồng quản trị**" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.
  - b) "**Địa bàn Kinh doanh**" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
  - c) "**Vốn Điều lệ**" có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
  - d) "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội khoá 10 kỳ họp thứ 5 của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999.
  - e) "**Ngày Thành lập**" có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh.
  - f) "**Pháp luật hiện hành**" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 12/11/1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 16/12/2002.
  - g) "**Cán bộ quản lý**" có nghĩa là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
  - h) "**Những người liên quan**" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Khoản 14 Điều 3 Luật Doanh nghiệp.
  - i) "**Cổ đông**" tại một thời điểm có nghĩa là thể nhân hay pháp nhân Việt Nam hoặc nước ngoài đang sở hữu cổ phiếu do Công ty phát hành và có tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty tại thời điểm đó.
  - j) "**Thời hạn hoạt động**" có nghĩa là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.
  - k) "**Việt Nam**" có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào khi được tham chiếu cũng sẽ bao gồm cả những nội dung sửa đổi hoặc thay thế của chúng.
3. Các tiêu đề được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**  
Tên giao dịch tiếng Anh: **NHA TRANG TEXTILE & GARMENT JOINT STOCK COMPANY**  
Tên viết tắt : **NHATEXCO**
  2. Công ty là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân, chịu trách nhiệm hữu hạn trong phần vốn góp của cổ đông phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.
  3. Trụ sở chính đăng ký của Công ty :  
  
Địa chỉ: Km 1447 QL1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.  
  
Điện thoại: (84 058) 831053 – (84 058) 831881  
Fax: (84 058) 831052  
Email : detnhatrang@dng.vnn.vn
  4. Các Chi nhánh :
    - a. Chi nhánh tại Hà Nội :  
Địa chỉ : 468 Minh Khai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.  
Điện thoại : (84 04) 8621500  
Fax : (84 04) 8621572
    - b. Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa chỉ : 54 Tôn Thất Tùng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (84 08) 8396780  
Fax : (84 08) 8356835
  5. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
-

6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại Địa bàn Kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và theo quy định của Pháp luật hiện hành.
7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 41 Điều lệ này, Thời hạn của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày Thành lập và kéo dài vô hạn.

### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

##### 1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất, mua bán các loại bông sợi, sợi, vải, hàng may mặc, giày dép và máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm, nguyên liệu, phụ liệu, bao bì phục vụ ngành dệt may, hoàn thiện các sản phẩm dệt.
- Kinh doanh nhà và trung tâm thương mại.
- Môi giới thương mại, uỷ thác mua bán hàng hoá, đại lý mua bán ký gửi hàng hoá, cho thuê nhà văn phòng, nhà xưởng kho bãi, xây dựng công trình dân dụng.
- Dịch vụ lắp đặt sửa chữa máy móc thiết bị nhà xưởng, dịch vụ vận tải hàng hoá bằng đường bộ, xử lý chất thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt.
- Xây dựng công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch.
- Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, khu du lịch, nhà hàng.
- Kinh doanh xăng dầu, chất đốt, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực nêu tại điểm 1 của điều này và các ngành nghề khác phù hợp với Luật doanh nghiệp; nhằm khai thác tối đa các nguồn lợi nhuận của Công ty; bảo đảm lợi ích cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty.

#### Điều 4. Hoạt động của tổ chức đảng và các tổ chức chính trị – xã hội khác.

1. Tổ chức Đảng hoạt động trong công ty theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam và Điều lệ của Đảng cộng sản Việt nam.
2. Công ty cũng thừa nhận và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị – xã hội khác : Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam và Điều lệ của tổ chức đó.

### IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

#### Điều 5. Vốn điều lệ, Cổ phần

1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của Công ty là 185.000.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm tỷ đồng).

Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 18.500.000 (mười tám triệu năm trăm ngàn) cổ phần phổ thông như nhau với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty chỉ có thể tăng hoặc giảm Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
3. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phát hành được quy định tại Điều 13 của Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành cổ phần loại khác sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và việc phát hành phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành.
5. Cổ đông chỉ có quyền sở hữu và các quyền cổ đông khác đối với số cổ phiếu tương ứng với số tiền mua cổ phiếu thực tế đã thanh toán. Cổ đông mua cổ phần phát hành thêm phải thanh toán bằng tiền (tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng), hoặc trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thì có thể thanh toán bằng tài sản khác đã được Hội đồng quản trị định giá.
6. Khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, người mua cổ phần do Công ty phát hành có thể thanh toán theo hình thức trả góp thành nhiều đợt. Số lượng cổ phiếu bán trả góp, đối tượng được mua trả góp và thủ tục mua, số kỳ trả góp, thời gian đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được thông báo trong công bố phát hành. Người mua cổ phần trả góp chỉ có quyền sở hữu và các quyền cổ đông đối với số cổ phần tương ứng với số tiền thực tế đã thanh toán.
7. Tùy theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Công ty có thể dành một phần hoặc toàn bộ số cổ phần dự kiến phát hành thêm để ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông tính đến thời điểm quyết định phát hành thêm cổ phần. Công ty phải thông báo công khai việc phát hành thêm cổ phần. Thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời gian đặt mua trong đó thời gian đặt mua phải không ít hơn 21 (hai mươi mốt) ngày. Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định xử lý phù hợp với Điều lệ này. Hội đồng quản trị có thể phân phối (hoặc trao quyền chọn mua) số cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ khi Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán thông qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.
8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty phát hành (kể cả cổ phần hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phần quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
9. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm. Khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Công ty có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua trong đó cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của Pháp luật.

#### **Điều 6. Số Đăng Ký Cổ Đông**

1. Công Ty sẽ lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông gồm có các nội dung sau:
  - a. Tên, trụ sở Công Ty;

- b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán, số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị của cổ phần đã góp;
  - d. Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông và ngày đăng ký cổ phần.
2. Sổ Đăng Ký Cổ Đông có thể được lập và lưu giữ bằng văn bản và bằng tập dữ liệu điện tử. Sổ Đăng Ký Cổ Đông được lưu giữ tại trụ sở của Công Ty hoặc nơi khác, nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả Cổ Đông biết.

#### **Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu**

1. Mọi thể nhân hoặc pháp nhân khi trở thành cổ đông của Công ty đều được cấp chứng chỉ cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 8 Điều này. Chứng chỉ cổ phiếu có hai loại: chứng chỉ cổ phiếu ghi danh (có ghi tên cổ đông trên chứng chỉ) và chứng chỉ cổ phiếu vô danh (không ghi tên cổ đông trên chứng chỉ).
2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của Công ty. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên cổ đông (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định. Trường hợp cổ đông nắm giữ nhiều loại cổ phần khác nhau do Công ty phát hành thì tương ứng với mỗi loại cổ phần Công ty phải cấp cho cổ đông một chứng chỉ cổ phiếu.
3. Trong thời gian 01 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ (theo quy định của Công ty) hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu đối với số cổ phần mua lại, hoặc trong thời gian 01 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần đối với số cổ phần đăng ký mua theo phương án phát hành thêm cổ phiếu của Công ty, người mua số cổ phần này sẽ được cấp miễn phí chứng chỉ cổ phiếu tương ứng.
4. Trường hợp cổ đông ghi danh chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng; bị tẩy xóa; bị đánh mất; mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người sở hữu theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải chứng minh quyền sở hữu và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Tất cả các chứng chỉ cổ phiếu, chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.
8. Chứng chỉ cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu, chứng chỉ trái phiếu xác nhận quyền đòi nợ sẽ được chuyển thành bút toán ghi sổ tương ứng khi các chứng khoán này được niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



**Điều 8. Chuyển nhượng Cổ phần**

1. Đối với cổ phần các loại khác nhau do Công ty phát hành thuộc quyền sở hữu, cổ đông có thể tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật hiện hành quy định khác. Cổ phiếu ghi danh (nếu có) được chuyển nhượng khi tuân thủ các quy định về chuyển nhượng của Công ty, quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành. Cổ đông chỉ có thể thực hiện chuyển nhượng đối với số cổ phần mà cổ đông đã thanh toán đầy đủ tiền mua.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần chưa niêm yết phải tuân thủ những quy định về chuyển nhượng của Công ty và Điều lệ này, và chỉ được xem xét phê chuẩn bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị khi hai bên chuyển nhượng đã nộp đủ hồ sơ chuyển nhượng. Hồ sơ chuyển nhượng bao gồm: văn bản thỏa thuận chuyển nhượng do hai bên ký có ghi đầy đủ loại cổ phần và số lượng đề nghị được chuyển nhượng (theo mẫu Công ty), chứng chỉ cổ phiếu của bên chuyển nhượng (và bên nhận chuyển nhượng trong trường hợp cũng là cổ đông của Công ty). Cổ đông đề nghị chuyển nhượng vẫn là người sở hữu số cổ phần có liên quan cho đến khi Chủ tịch Hội đồng quản trị ký tên đóng dấu vào đơn đề nghị chuyển nhượng và tên người mua cổ phiếu được ghi vào sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng có thỏa thuận khác.

Trong mọi trường hợp, Công ty không chịu trách nhiệm về việc thanh toán tiền chuyển nhượng giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng, cũng như thỏa thuận về phân chia cổ tức và các quyền cổ đông khác trong thời gian thực hiện các thủ tục chuyển nhượng nêu tại Điều này.

3. Cổ phiếu của Công ty khi đã niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán hoặc Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng tuân thủ theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Trung Tâm giao dịch chứng khoán hoặc Sở giao dịch chứng khoán.
4. Các cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển nhượng trong 3 năm của cổ đông sáng lập có thể chuyển nhượng cho nhau khi được sự đồng ý của Hội đồng quản trị, trường hợp người nhận chuyển nhượng không phải là cổ đông sáng lập thì phải được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp một cổ đông của Công ty bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền cổ đông đối với số cổ phần thuộc quyền sở hữu của cổ đông đã chết, nhưng quy định này, trong mọi trường hợp, không đương nhiên được hiểu như một sự phủ nhận hay xác nhận rằng cổ phần thuộc quyền sở hữu của cổ đông đã chết còn liên quan về nghĩa vụ tài chính đối với những nghĩa vụ hoặc cam kết mà cổ đông đó đã thực hiện (nếu có).
6. Người thừa kế (hoặc người quản lý) của cổ đông đã chết có nghĩa vụ chứng minh rằng mình là người (những người) thừa kế (hoặc người quản lý) hợp pháp của cổ đông đã chết, và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với mọi khiếu kiện của bất kỳ bên thứ ba nào liên quan đến tư cách thừa kế hoặc quản lý.

**Điều 9: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông**

1. Cổ Đông biểu quyết phân đối quyết định về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều Lệ Công Ty có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ

phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản nêu rõ tên, địa chỉ, của cổ đông, số lượng cổ phần của từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại Điều này.

2. Công Ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ Đông theo quy định tại Điều này theo giá thị trường trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Điều 10: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty**

1. Công Ty có quyền mua lại tối đa 30% tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác theo quy định sau:
  - a. Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại phải có quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông với sự nhất trí của ít nhất 70% quyền biểu quyết. Việc mua lại từ 10% cổ phần trở xuống sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định.
  - b. Hội Đồng Quản Trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp mua lại cổ phần của từng Cổ Đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công Ty.
  - c. Sau khi thỏa mãn các điểm a và b khoản này, cổ phần của từng Cổ Đông được mua lại tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ. Quyết định mua lại cổ phần của Công Ty phải được thông báo đến tất cả các Cổ Đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải nêu rõ: tên và trụ sở Công Ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại (hoặc công thức định giá mua lại), thủ tục và thời hạn thanh toán cổ phần được mua, thủ tục và thời hạn để Cổ Đông chào bán cổ phần của mình đến Công Ty.
2. Cổ phần được mua lại có thể được thanh toán bằng tiền, bằng chứng khoán hoặc tài sản khác.

**Điều 11. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền đăng ký mua cổ phiếu theo những điều khoản và điều kiện của đợt thông báo phát hành tương ứng thì Hội đồng quản trị, sau khi gửi thông báo yêu cầu thanh toán cho cổ đông đó và quá thời hạn phản hồi, có thể quyết định xử lý số tiền đặt cọc (nếu có) để bù đắp những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra theo những điều khoản đã thông báo của đợt phát hành và quyết định xử lý đối với số cổ phần chưa thanh toán (một phần hoặc toàn bộ).
2. Thông báo yêu cầu thanh toán nêu tại Khoản 1 Điều này phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, tiền đặt cọc (đối với phát hành thanh toán một lần) sẽ bị xử lý và cổ phần chưa thanh toán (một phần hoặc toàn bộ) sẽ bị thu hồi theo những điều kiện và điều khoản đã công bố của đợt phát hành.
3. Quá thời hạn thanh toán theo yêu cầu trong thông báo đề cập tại Khoản 2 Điều này mà người đăng ký mua cổ phần không thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần và các khoản lãi, phí phát sinh theo thông báo yêu cầu thanh toán của Công ty, Hội đồng quản trị có thể quyết định thu hồi toàn bộ số cổ phần chưa thanh toán (đối với phát hành thanh toán một lần) hoặc phần cổ

phần tương ứng với kỳ thanh toán được thông báo (nếu có). Cổ phần được thu hồi trong trường hợp này, phù hợp với quy định của Pháp luật, vẫn là cổ phần được phép phát hành của Công ty và có thể được bán hoặc xử lý theo một cách khác hợp pháp.

4. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

### Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Tổng giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc;
4. Ban kiểm soát.

## VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 13. Quyền hạn của Cổ đông Công ty

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền;
  - b. Nhận cổ tức;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;
  - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu phát hành thêm được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của chính cổ đông đó;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
  - g. Trong trường hợp Công ty bị giải thể, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu của mình;
  - h. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành.
3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:

- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 Điều lệ này và thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 của Điều lệ này;
- b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d, khoản 3, điều 15;
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

**Điều 14. Nghĩa vụ của các Cổ đông**

Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và các quyết định của Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;
3. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do Luật pháp quy định.

**Điều 15. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội cổ đông Thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.
2. Đại hội đồng cổ đông Thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông Thường niên quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, quyết định việc chia cổ tức, thông qua ngân sách tài chính và kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b. Báo cáo tài chính tại một thời điểm cho thấy Công ty đang gặp khó khăn nghiêm trọng về tình hình tài chính hoặc vốn chủ sở hữu bị giảm một nửa;
  - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà Pháp luật hiện hành quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
  - d. Khi số thành viên của Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên mà Pháp luật hiện hành quy định hoặc ít hơn hoặc bằng một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
  - e. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội bằng một văn bản kiến nghị trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (nhóm cổ đông có thể cùng ký tên chung trên một văn bản yêu cầu hoặc ký riêng từng văn bản yêu cầu có cùng nội dung);

- f. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc các cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 86 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
4. Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức như sau:
  - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại Điểm d và e Khoản 3 Điều này.
  - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên, Ban kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp các cổ đông.
  - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại Điểm d hoặc Điểm e Khoản 3 Điều này có thể triệu tập cuộc họp các cổ đông.
  - d. Tất cả các chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội cổ đông, kể cả chi phí lưu trú và đi lại.
5. Những người có trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành.

#### **Điều 16. Quyền và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận, yêu cầu giải trình và đóng góp ý kiến và thông qua những vấn đề sau:
  - a. Báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán độc lập cho năm tài chính đã kết thúc;
  - b. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, đầu tư, tài chính cho năm tài chính đã kết thúc;
  - c. Báo cáo hoạt động trong năm của Hội đồng quản trị;
  - d. Báo cáo hoạt động trong năm của Ban kiểm soát;
  - e. Kế hoạch kinh doanh, đầu tư, tài chính của năm hoạt động tiếp theo của Công ty;
2. Đại hội đồng cổ đông Thường niên và Bất thường có quyền quyết định các vấn đề sau:
  - a. Thông qua báo cáo tài chính của năm tài chính đã kết thúc;
  - b. Mức cổ tức thanh toán cho năm tài chính đã kết thúc cho cổ phần phổ thông phù hợp với Luật doanh nghiệp;
  - c. Mức cổ tức dự kiến cho năm hoạt động tiếp theo;
  - d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - e. Lựa chọn hoặc thay đổi công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính;
  - f. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- g. Báo cáo tổng số tiền thù lao được hưởng của các thành viên Hội đồng quản trị, chi tiết các khoản mục cho năm tài chính đã kết thúc và dự kiến cho năm tiếp theo;
  - h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
  - i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần sẽ được phát hành thêm cho từng loại, phương thức thanh toán của đợt phát hành và các quyền của cổ đông nắm giữ loại cổ phần phát hành;
  - j. Sát nhập với công ty khác, nhận sáp nhập vào Công ty hoặc chuyển đổi hình thức hoạt động của Công ty;
  - k. Tổ chức lại hoặc giải thể (thanh lý) Công ty, trong trường hợp giải thể chỉ định người tổ chức điều hành việc thanh lý.
  - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc các cổ đông của Công ty;
  - m. Thông qua chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn của Công ty (bao gồm lĩnh vực hoạt động, tỷ trọng đầu tư cho các lĩnh vực và quy mô vốn, thị trường chiến lược, tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, tỷ trọng tái đầu tư lợi nhuận) do Hội đồng quản trị xây dựng và đệ trình;
  - n. Giao dịch mua hoặc bán tài sản cố định và tài sản tài chính (bao gồm góp vốn liên doanh, mua trái phiếu công ty, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư) có giá trị từ 50% giá trị tổng tài sản của Công ty trở lên theo bảng cân đối kế toán đã được kiểm toán gần nhất;
  - o. Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% cổ phần đã phát hành thuộc bất kỳ loại nào;
  - p. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các vị trí quản lý khác trong Công ty;
  - q. Hợp đồng của Công ty ký với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và những người liên quan của họ với giá trị lớn hơn 20% giá trị tổng tài sản của Công ty theo bảng cân đối kế toán đã được kiểm toán gần nhất;
  - r. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
3. Trong mọi trường hợp, Cổ đông không được bỏ phiếu để thông qua:
    - a. Các hợp đồng quy định tại Điểm q Khoản 2 Điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
    - b. Việc mua lại cổ phần do cổ đông đó hoặc bất kỳ người nào có liên quan của cổ đông đó sở hữu trong một công ty khác mà Công ty quyết định đầu tư tài sản tài chính như quy định tại Điểm n Khoản 2 Điều này.
  4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

#### **Điều 17. Các Đại diện được ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ này có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản gửi tới người tổ chức Đại hội theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận và:
  - a. Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người ủy quyền hoặc bởi luật sư của người đó;
  - b. Trường hợp là công ty thì phải được một luật sư hoặc người được ủy quyền hợp lệ của công ty đó ký và đóng dấu.
3. Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền được một luật sư ký thay mặt cho người ủy quyền thì thư ủy quyền cho luật sư (hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ) phải được nộp cùng với đơn chỉ định đại diện được ủy quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền đó sẽ bị coi là không có hiệu lực.
4. Trừ trường hợp Công ty nhận được thông báo hợp lệ về một trong các sự kiện dưới đây ít nhất 48 giờ trước thời điểm khai mạc Đại hội đồng cổ đông, lá phiếu bầu của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:
  - a. Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình;
  - b. Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc
  - c. Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

#### **Điều 18. Thay đổi các Quyền**

1. Trường hợp vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần chỉ có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ khi thỏa mãn đầy đủ các điều kiện sau:
  - a. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết về vấn đề này như quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 16 Điều lệ này.
  - b. Có sự nhất trí bằng văn bản (ban hành sau một cuộc họp) của các cổ đông nắm giữ ít nhất 65% số lượng cổ phần đã phát hành của loại cổ phiếu đó.
2. Cuộc họp của các cổ đông thông qua việc thay đổi quyền của cổ phiếu đề cập tại Điểm b Khoản 1 Điều này được tổ chức theo thể thức do các cổ đông nắm giữ loại cổ phiếu đó tự quyết định.
3. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình Họp và Thông báo**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại Điểm b, c Khoản 4 Điều 15 Điều lệ này.
2. Những người có trách nhiệm triệu tập và tổ chức Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a. Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, các tài liệu theo quy định của Điều lệ này và các quy định của Công ty;
  - b. Xác định thời gian và địa điểm đại hội;
  - c. Thông báo, gửi thư mời họp và các tài liệu liên quan cho các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty có thể được thực hiện một cách phù hợp thông qua phương tiện thông tin đại chúng. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử để nhận các tài liệu giao dịch thì thư mời họp và tài liệu liên quan có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Nếu Công ty có website, thông báo về họp Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông. Thư mời họp và các tài liệu liên quan bao gồm chương trình họp, các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội, các tài liệu bổ sung cần thiết phải được gửi tới tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Thư mời họp phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải được thể hiện bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông (nhóm cổ đông), số lượng và loại cổ phần nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất nêu tại Khoản 4 Điều này nếu:
- a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;
  - b. Tính đến thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không duy trì được việc sở hữu ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở nên;
  - c. Đề xuất chứa đựng những nội dung không rõ ràng hoặc khó hiểu;
  - d. Vấn đề được đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
6. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.
7. Nếu tất cả cổ đông có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông thì những nghị quyết được Đại hội nhất trí thông qua đều là hợp lệ ngay cả khi Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung họp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý.

**Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông và lập Biên bản đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì (chủ tọa đại hội), hoặc nếu Chủ tịch vắng mặt thì ủy quyền cho một thành viên khác trong Hội đồng quản trị thay thế Chủ tịch chủ trì đại hội. Trong trường hợp vì một lý do bất khả kháng mà Chủ tịch vắng mặt và không thể thực hiện việc ủy quyền cho một thành viên khác làm chủ tọa thì các thành viên



còn lại trong Hội đồng quản trị sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra chủ tọa của đại hội, chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch hoặc chủ tọa được bầu sẽ đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố trong biên bản đại hội.

2. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 45 phút kể từ thời điểm dự định khai mạc đại hội, những người tổ chức đại hội quyết định hoãn phiên họp và phải tổ chức lại đại hội trong vòng 30 ngày kể từ ngày quyết định hoãn phiên họp. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 45 phút kể từ thời điểm dự định khai mạc phiên họp tổ chức lần hai, Đại hội phải hoãn phiên họp và triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần ba trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định khai mạc phiên họp triệu tập lần hai, và khi đó bất kỳ số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự định đưa ra biểu quyết nằm trong chương trình đại hội đã gửi tới các cổ đông trong phiên họp triệu tập những lần trước đó.
3. Các vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông chỉ được coi là Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (có nghĩa là tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết đều nhất trí thực hiện vấn đề đó) khi được sự chấp thuận (biểu quyết đồng ý) của số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp hoặc đại diện được ủy quyền dự họp.
4. Cổ đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông phải đăng ký và kiểm tra điều kiện dự họp tại bàn đăng ký đại biểu do những người triệu tập đại hội tổ chức. Hình thức của phiếu biểu quyết, thể lệ của việc biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, việc tổng hợp và giám sát kết quả biểu quyết được quy định trong Quy chế biểu quyết do Hội đồng quản trị xây dựng và ban hành. Quy chế biểu quyết và các yêu cầu đối với cổ đông dự họp và đại diện được ủy quyền của cổ đông phải được gửi kèm với giấy mời họp.
5. Cổ đông đến Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội đó để cho họ đăng ký và hiệu lực của các vấn đề biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
6. Không cần lấy ý kiến đại hội, Chủ tọa đại hội cũng có thể trì hoãn một đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định do có những lý do về an ninh hoặc lý do khách quan bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... Trường hợp tổ chức lại này, chương trình đại hội cổ đông không được thay đổi so với chương trình đã gửi kèm thư mời họp cho các cổ đông.
7. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền tham dự.
8. Biên bản đại hội và nội dung của các vấn đề biểu quyết được lập thành nghị quyết chứa đựng trong biên bản phải được đọc trước Đại hội để các cổ đông và đại diện được ủy quyền dự họp soát xét nội dung và góp ý, đồng thời sau khi ghi nhận ý kiến đóng góp phải được biểu quyết

như là một vấn đề của Đại hội theo quy định tại Khoản 3 Điều này. Biên bản được lập bằng tiếng Việt theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, và phải được Chủ tọa đại hội và thư ký ký xác nhận ngay tại ngày bế mạc Đại hội. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty.

9. Những người triệu tập và tổ chức Đại hội đồng Cổ đông có trách nhiệm gửi biên bản đại hội và các nghị quyết cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 07 ngày sau khi Đại hội đồng Cổ đông kết thúc. Nội dung của các nghị quyết được lập thành văn bản riêng phải thống nhất với nội dung đã ghi chép trong biên bản đại hội. Biên bản Đại hội cổ đông, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các bằng chứng cần thiết khác phải được lưu giữ đầy đủ tại trụ sở chính Công ty trong thời gian tối thiểu 10 năm kể từ ngày tổ chức đại hội.

#### **Điều 21. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

1. Ngoài hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông, các vấn đề cần cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty thông qua có thể được thực hiện theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản do Hội đồng quản trị quyết định. Nghị quyết về các vấn đề này được coi là có hiệu lực khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận theo các thủ tục quy định tại Khoản 2 của Điều này.
2. Đối với các vấn đề cần thông qua bởi các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện như sau:
  - a. Lựa chọn các vấn đề cần thông qua; hình thức phiếu biểu quyết, thể lệ thực hiện biểu quyết, việc tổng hợp và giám sát kết quả biểu quyết được thực hiện theo Quy chế biểu quyết.
  - b. Gửi phiếu biểu quyết và những tài liệu hoặc giải trình cần thiết cho tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết nhằm tạo điều kiện cho các cổ đông có đầy đủ thông tin để ra quyết định. Thời hạn cuối cùng nhận phiếu biểu quyết (ngày chốt phiếu biểu quyết) phải được ghi rõ trong tài liệu gửi cho cổ đông.
  - c. Tổng hợp kết quả, thông báo kết quả biểu quyết và Nghị quyết trong trường hợp được thông qua đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 07 ngày kể từ ngày chốt phiếu biểu quyết.

### **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 22. Thành phần và Nhiệm kỳ**

1. Hội đồng quản trị của Công ty tối thiểu 3 thành viên và tối đa 7 thành viên, là cổ đông hoặc đại diện cổ đông pháp nhân của Công ty.  
Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ tối đa 3 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế tại kì họp Đại hội cổ đông tiếp theo.
2. Việc đề cử người ứng cử vị trí thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:  
Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử thành viên Hội đồng quản trị với số lượng ứng viên tỷ lệ với số cổ phần do cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ như sau:
  - Từ 10% đến dưới 30% vốn điều lệ: đề cử 01 thành viên

- Từ 30% đến dưới 50% vốn điều lệ: đề cử 02 thành viên
  - Từ 50% đến dưới 70% vốn điều lệ: đề cử 03 thành viên
  - Từ 70% vốn điều lệ trở lên: đề cử 04 thành viên
3. Một người đang nắm giữ vị trí thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tiếp tục đảm nhận vị trí đó trong các trường hợp sau:
    - a. Người đó không còn đủ điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội Đồng Quản trị.
    - b. Người đó gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.
    - c. Có quyết định của tòa án tuyên bố người đó mất hoặc hạn chế năng lực hành vi
    - d. Người đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng vị trí thành viên này bị bỏ trống.
    - e. Người đó bị cách chức thành viên Hội đồng Quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
  4. Trong trường hợp có vị trí thành viên Hội đồng quản trị bị bỏ trống theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này và thực tế quản trị công ty yêu cầu phải có người đảm nhận vị trí công việc đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm tạm thời một người thay thế và phải đệ trình Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp liền tiếp để thông qua hoặc bầu người khác. Khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được coi là có hiệu lực vào ngày có quyết định bổ nhiệm tạm thời của Hội đồng quản trị.
  5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện của mình tham gia, nghị sự và biểu quyết thông qua nghị quyết tại các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường của Hội đồng quản trị. Người đại diện được ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị cũng có thể là luật sư của thành viên đó và việc ủy quyền chỉ có giá trị theo từng kỳ họp.

### **Điều 23. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Trong phạm vi quyền hạn được quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền và có nghĩa vụ quản lý, chỉ đạo thực hiện các hoạt động của Công ty với vị trí là nhóm người thay mặt và vì lợi ích của toàn bộ cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị không được chuyển nhượng cổ phần do họ sở hữu hoặc đại diện sở hữu trong suốt thời gian đương nhiệm, trừ khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.
3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và những vị trí quản lý khác trong Công ty.
4. Các thành viên Hội đồng quản trị khi thực hiện quyền và nghĩa vụ phải tuân thủ các quy định tại Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - a. Quyết định kế hoạch kinh doanh, đầu tư và tài chính hàng năm;

- b. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
  - c. Đề xuất mức cổ tức dự kiến và mức cổ tức thực trả hàng năm, trong năm xác định mức cổ tức tạm ứng giữa kỳ căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, chỉ đạo việc chi trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các vị trí quản lý trong Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức thu nhập của họ;
  - e. Trong các trường hợp khẩn cấp vì lợi ích tối cao của các cổ đông của Công ty, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm, nếu có.
  - f. Xử lý các vi phạm hoặc thay mặt công ty khiếu nại, khởi kiện về sai phạm của cán bộ quản lý trong Công ty;
  - g. Xây dựng chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn của Công ty (bao gồm lĩnh vực hoạt động, tỷ trọng đầu tư cho các lĩnh vực và quy mô vốn, thị trường chiến lược, tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, tỷ trọng tái đầu tư lợi nhuận) và các điều chỉnh hàng năm (nếu có) đệ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - h. Đề xuất loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, phương thức thanh toán và các quyền của cổ đông nắm giữ loại cổ phần phát hành trình Đại hội cổ đông thông qua;
  - i. Thực hiện các phương án phát hành trái phiếu; khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, thực hiện các phương án phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền mua cổ phiếu;
  - j. Quyết định giá và đối tượng chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
  - k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
  - l. Đề xuất và chuẩn bị phương án tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty.
5. Những vấn đề cụ thể dưới đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
  - b. Việc thành lập các công ty con của Công ty
  - c. Việc đầu tư vào các công ty trong đó Công ty nắm giữ trên 50% vốn chủ sở hữu trừ trường hợp quy định tại Điểm n Khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này;
  - d. Các hợp đồng của Công ty dự định ký với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty theo bảng cân đối kế toán đã được kiểm toán gần nhất. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.
  - e. Việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm công ty và liên doanh) trừ trường hợp được quy định tại Điểm n Khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này;

- f. Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện có thẩm quyền và Luật sư của Công ty;
  - g. Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - h. Các khoản đầu tư tài sản cố định, đầu tư tài sản tài chính (bao gồm góp vốn liên doanh, mua trái phiếu công ty, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư) không được phê duyệt trong kế hoạch kinh doanh - đầu tư - tài chính và vượt quá 1.000.000.000 Đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư có giá trị vượt quá 10% giá trị phê duyệt trong kế hoạch kinh doanh - đầu tư - tài chính của năm hoạt động trừ trường hợp quy định tại Điểm n Khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này;
  - i. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt nam hay nước ngoài;
  - j. Việc định giá các tài sản không phải bằng tiền được dùng để thanh toán cho cổ phần do Công ty phát hành, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ và tài sản khác theo quy định của Pháp luật;
  - k. Việc Công ty mua lại không quá 10% cổ phần đã bán của từng loại, phạm vi mức giá mua lại;
  - l. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
  - m. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị thống nhất nhận định cần có sự xem xét và phê chuẩn của Hội đồng quản trị trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
6. Tại phiên họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tài chính đã kết thúc; cụ thể là quá trình giám sát của Hội đồng quản trị đối với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác để đạt được các mục tiêu đã đặt ra trong kế hoạch kinh doanh - đầu tư - tài chính của năm tài chính.
  7. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
  8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội Đồng Quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.
  9. Ngoài thù lao dành cho vị trí thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm vị trí quản lý khác trong Công ty có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác phù hợp với Điều lệ này và các quy chế, chính sách nội bộ khác của Công ty.
  10. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc đến tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc quản trị hoặc đại hội đồng cổ đông.
-

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo triệu tập cuộc họp bất thường trong vòng 2 tuần kể từ khi nhận được đề xuất họp. Quá thời hạn trên, nếu không nhận được thông báo triệu tập họp, những người yêu cầu tổ chức cuộc họp được đề cập tại Khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. Theo yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập được bổ nhiệm kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán, tình hình tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.
5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại địa chỉ đăng ký của Công ty hoặc địa chỉ khác tại Việt Nam, nhưng phải được nêu rõ trong thông báo triệu tập họp.
6. Thông báo và Chương trình họp: Thông báo, chương trình họp, các vấn đề biểu quyết và các tài liệu cần thiết phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 7 ngày trước ngày dự kiến họp. Thông báo này phải được lập bằng văn bản tiếng Việt trong đó phải ấn định rõ thời gian và địa điểm họp.
7. Điều kiện tiến hành cuộc họp: Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ có thể được tiến hành họp, nghị sự và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc cử người đại diện được ủy quyền. Người đại diện của thành viên vắng mặt phải trình văn bản ủy quyền tại phiên họp mới có điều kiện để tham gia nghị sự và biểu quyết.
8. Thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: Các vấn đề trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được nghị sự tại các phiên họp có thể được thông qua bởi đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt tại cuộc họp và lập thành Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo những nguyên tắc dưới đây:
  - a. Trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện được ủy quyền có mặt tại phiên họp có một phiếu biểu quyết và được quyền biểu quyết bất cứ vấn đề nào nằm trong chương trình họp đã được gửi kèm thông báo triệu tập họp.
  - b. Hội đồng quản trị biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền và ra Nghị quyết của Hội đồng quản trị trên cơ sở kết quả biểu quyết. Một vấn đề được biểu quyết được coi là thông qua và là Nghị quyết của Hội đồng quản trị khi được sự tán thành tối thiểu là 1/2 (một nửa) số thành viên dự họp hoặc đại diện được ủy quyền. Trong trường hợp số phiếu của bên tán thành và bên phản đối ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về bên có ý kiến của chủ tịch Hội đồng quản trị.
  - c. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký kết của những hợp đồng quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 23 của Điều lệ này không có quyền biểu quyết về việc ký kết hợp đồng đó.
9. Tuyên bố lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ những hợp đồng đang dự kiến ký kết với Công ty quy định tại Điểm q Khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này phải tự nguyện tuyên bố bản chất, nội dung, giá trị của hợp đồng và quyền lợi đó với Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị trước khi Hợp đồng được ký để Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị tổ chức xem xét và thông qua việc phê chuẩn những

**Điều 24. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội Đồng Quản trị bầu trong số các thành viên của mình một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội Đồng Quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc Công ty. Trường hợp một phiên họp Đại hội đồng cổ đông thống nhất chấp thuận rằng Chủ tịch kiêm nhiệm vị trí Tổng giám đốc, nghị quyết này phải được thông qua lại hàng năm tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên tiếp theo.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm:
  - a. Chủ trì việc lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;
  - d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e. Các quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Một thành viên khác trong Hội đồng quản trị có thể tạm thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch nếu được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp Chủ tịch không thông báo việc ủy quyền và các thành viên Hội đồng quản trị thông qua các phương tiện thông tin liên lạc đã thông báo cho Chủ tịch, kể cả việc ấn định thời gian trả lời mà vẫn không nhận được trả lời của Chủ tịch trong thời hạn được ấn định này, thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ phải bầu một thành viên khác để tạm thời đảm nhiệm vị trí Chủ tịch.
4. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị Đại hội đồng cổ đông bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

**Điều 25. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản trị**

1. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần. Chủ tịch có trách nhiệm lập chương trình nghị sự, ấn định thời gian và địa điểm họp và gửi thông báo cho các thành viên khác ít nhất 7 ngày trước ngày dự kiến họp.
2. Các Cuộc họp Bất thường: Chủ tịch phải triệu tập cuộc họp bất thường khi nhận thấy cần phải nghị sự những vấn đề ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Chủ tịch phải triệu tập cuộc họp khi nhận được đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích và tính cần thiết phải tổ chức cuộc họp của một trong những đối tượng dưới đây mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào:
  - a. Tổng giám đốc;
  - b. Hai thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
  - c. Hai thành viên Ban kiểm soát trở lên;

hợp đồng này. Mọi sự công bố chậm trễ sau khi những hợp đồng này đã được ký đều có thể là nguyên nhân để xem xét bãi nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị của thành viên đó và tuyên bố hợp đồng đã ký là vô hiệu.

10. Hợp Hội đồng quản trị theo hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể được tiến hành theo hình thức khác trong đó tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện mỗi thành viên tham gia đều có thể nghe các thành viên khác phát biểu trong cuộc họp và có thể phát biểu cho tất cả các thành viên dự họp khác cùng nghe. Thủ tục triệu tập, nghị sự, biểu quyết, ra Nghị quyết Hội đồng quản trị và lưu trữ các bằng chứng của cuộc họp và lập Biên bản họp Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng những quy tắc của cuộc họp trực tiếp.
13. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên xem xét trong thời gian 10 ngày kể từ ngày kết thúc phiên họp. Những biên bản đó được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó. Các biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ tại trụ sở Công ty trong thời gian 10 năm kể từ ngày tổ chức cuộc họp.
14. Nghị quyết của Hội đồng quản trị: Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được lập bằng văn bản và phải được ký bởi chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc đại diện được ủy quyền tham gia trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày Biên bản họp Hội đồng quản trị được thông qua. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được lưu giữ tại Trụ sở Công ty trong thời gian 10 năm kể từ ngày tổ chức cuộc họp.  

Các nghị quyết thông qua theo hình thức quy định tại Khoản 10 Điều này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ.

Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản để thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp ký với điều kiện mỗi bản sao đó phải có chữ ký của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.
15. Những người được mời họp dự thỉnh: Tổng giám đốc, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba không phải là thành viên Hội đồng quản trị có thể dự cuộc họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị để góp ý đối với các vấn đề được nghị sự tại phiên họp nhưng không được biểu quyết.

## VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

### Điều 26. Tổ chức bộ máy quản lý

Hội đồng quản trị của Công ty xây dựng cơ cấu tổ chức hoạt động và quản lý của Công ty, trong đó quy định rõ chức năng và nhiệm vụ của từng phòng ban và từng vị trí quản lý dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc và có thể có một số Phó Tổng giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc, và một Kế toán trưởng. Các vị trí này đều do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Hội đồng quản trị có thể quy định rõ các vị trí quản lý khác mà



việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và quyết định tiếp nhận cần phải có sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị trong quy chế hoặc chính sách nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

**Điều 27. Tổng giám đốc**

1. **Bổ nhiệm:** Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng với người được bổ nhiệm quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc phải tuân thủ quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành.
2. **Nhiệm kỳ:** Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và được quy định trong hợp đồng lao động, Tổng Giám đốc có thể được tái bổ nhiệm.
3. **Quyền hạn và Nhiệm vụ:** Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh - đầu tư - tài chính của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - b. Xây dựng kế hoạch kinh doanh, đầu tư, tài chính của năm hoạt động tiếp theo phù hợp với chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty trình Hội đồng quản trị trong thời gian 30 ngày sau khi kết thúc năm tài chính để Hội đồng quản trị xem xét và quyết định;
  - c. Đề xuất những biện pháp nâng cao năng lực hoạt động và năng lực quản lý của Công ty;
  - d. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị, bao gồm tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, thay mặt công ty ký kết các hợp đồng theo sự ủy quyền của Hội Đồng Quản trị và theo các qui định khác của pháp luật, chỉ đạo thực hiện các thủ tục kiểm soát nội bộ trong Công ty và các hoạt động khác thuộc nhiệm vụ của Tổng Giám đốc;
  - e. Kiến nghị với Hội đồng quản trị số lượng và các vị trí quản lý mà Công ty cần sử dụng để đạt được các mục tiêu hoạt động ngắn hạn và dài hạn; đề xuất mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động với cán bộ quản lý để Hội đồng quản trị xem xét và quyết định;
  - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động Công ty cần sử dụng, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - g. Tuyển dụng lao động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
  - h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, tuân thủ pháp luật và hợp đồng lao động đã ký với công ty.
4. **Báo cáo lên Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông:** Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãì nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãì nhiệm Tổng giám đốc và bãì nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tuy nhiên, việc bãì nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãì nhiệm, nếu có.

## IX. TRÁCH NHIỆM ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

### Điều 28. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ căn trọng cao nhất.

### Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh của Công ty để thu lợi ích cá nhân cho bản thân họ; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích mà họ có thể được hưởng thông qua các giao dịch của mình khi những lợi ích này có thể làm tổn hại đến lợi ích chung của toàn thể cổ đông Công ty.
3. Theo Điều 87 của Luật doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ này, các hợp đồng ký với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ là không có hiệu lực thực hiện khi:
  - a. Hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% giá trị tổng tài sản của Công ty theo bảng cân đối kế toán đã được kiểm toán gần nhất không được Đại hội đồng cổ đông của Công ty chấp thuận trước khi ký kết hoặc có được sự chấp thuận nhưng trong đó cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký kết hợp đồng đã tham gia biểu quyết về việc phê chuẩn hợp đồng đó;
  - b. Hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty theo bảng cân đối kế toán đã được kiểm toán gần nhất không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị hoặc có được sự chấp thuận nhưng trong đó thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký kết hợp đồng đã tham gia biểu quyết về việc phê chuẩn hợp đồng đó.
4. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó trong khi ~~các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.~~  
các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

## X. THƯ KÝ CÔNG TY

### Điều 30. Thư ký công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không được phép gây ra bất cứ một khiếu kiện nào do vi phạm hợp đồng lao động giữa Thư ký và Công ty. Có thể một hoặc một số người cùng được bổ nhiệm làm thư ký Công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý thư ký Công ty từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị cho những người được nhận biên bản theo quy định tại Điều lệ này.
- e. Cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

## XI. BAN KIỂM SOÁT

### Điều 31. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Công ty bao gồm từ 3 (ba) đến 5 (năm) thành viên trong đó phải có một thành viên có chuyên môn về kế toán. Thành viên Ban kiểm soát không đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc Cán bộ quản lý Công ty, và không được là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Trưởng Ban kiểm soát phải là cổ đông hoặc là đại diện của cổ đông pháp nhân của Công ty. Mỗi thành viên Ban kiểm soát có nhiệm kỳ 3 năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại tại Đại hội đồng Cổ đông tiếp theo. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Khoản 2 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
  - a. Được Hội đồng Quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
  - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
  - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
  - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
  - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
  - g. Xem xét báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
  - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của các phòng ban.
2. Việc đề cử người ứng cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như sau:
- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% vốn điều lệ Công ty trong 06 tháng liền được quyền đề cử 01 thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% vốn điều lệ Công ty trong 06 tháng liền được quyền đề cử 02 thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 70% vốn điều lệ Công ty trong 06 tháng liền được quyền đề cử 03 thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% vốn điều lệ Công ty trở lên trong 06 tháng liền được quyền đề cử 04 thành viên Ban kiểm soát.
3. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát phải bảo đảm rằng bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.
4. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
  - c. Lập và ký báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của các thành viên Ban kiểm soát và thành viên Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
5. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến việc kiểm tra hoạt động kinh doanh của Công ty.
6. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng phải nhóm họp tối thiểu 2 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 3 người. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên có quyền biểu quyết của Ban kiểm soát dự họp chấp thuận. Trong trường hợp số phiếu chấp thuận và không chấp thuận ngang nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát;
7. Một thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
  - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
  - c. Thành viên đó bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi;
-

- d. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 12 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.

## XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

### Điều 32. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Đăng ký Kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

## XIII. CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ CÔNG ĐOÀN

### Điều 33. Chế độ chính sách và Công đoàn

Tổng giám đốc sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề chủ yếu liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và pháp luật. Các quyết định này phải được tham khảo ý kiến của Công đoàn Công ty. Trong trường hợp Tổng Giám đốc và Công đoàn không thống nhất thì ý kiến Hội đồng quản trị là ý kiến quyết định cuối cùng và kết quả sẽ được thông báo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

## XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

### Điều 34. Trích lập các quỹ - Cổ tức

1. Việc lập quỹ theo quy định của pháp luật và do Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty quyết định theo đề xuất của Hội đồng Quản trị.

2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật hiện hành, sau khi kết thúc năm tài chính, cổ tức sẽ được công bố và thanh toán từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.
3. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa năm tài chính nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời và tình hình kinh doanh của Công ty.
4. Trừ trường hợp có các quyền kèm theo cổ phần hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, cổ tức chỉ được trả cho các cổ phần đã thực sự được thanh toán tính đến thời điểm lập danh sách chi trả cổ tức.
5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi Nghị quyết này khi được chấp thuận.
6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền sẽ phải được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.
7. Khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền. Những cổ phần được dùng để trả cổ tức này là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua và được trả theo nguyên tắc giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung (trong trường hợp có một phần cổ tức được trả bằng tiền) hoặc thay thế (trong trường hợp toàn bộ cổ tức được trả bằng cổ phần phổ thông) cho khoản cổ tức bằng tiền phải tương đương với giá trị bằng tiền của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.

## XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

### Điều 35. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty được mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Được sự cho phép của Pháp luật hiện hành và cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài.

### Điều 36. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

### Điều 37. Hệ thống Kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị hạch toán.

## XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN

### Điều 38. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty lập báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm theo quy định của Pháp luật hiện hành về kế toán và thống kê.
2. Khi niêm yết trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán, Công ty có nghĩa vụ nộp hoặc công bố những báo cáo này cho những cơ quan hoặc đối tượng theo quy định của Pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán và tùy theo quy định của Pháp luật hiện hành trong từng trường hợp cụ thể, báo cáo tài chính của giai đoạn tài chính khác có thể phải được kiểm toán. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
3. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm các báo cáo sau: 01 báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình lãi hoặc lỗ của Công ty trong năm tài chính, 01 bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan các khoản mục tài sản và nguồn hình thành tài sản của Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính, 01 báo cáo lưu chuyển tiền tệ phản ánh tình hình thu tiền và sử dụng tiền của Công ty trong năm tài chính, và thuyết minh báo cáo tài chính cung cấp những giải trình cần thiết cho việc đọc các báo cáo trên và tình hình chung của Công ty. Trường hợp Công ty có các khoản đầu tư nắm giữ trên 50% vốn chủ sở hữu của một công ty con khác thì ngoài báo cáo tài chính Công ty còn có cả báo cáo tài chính của công ty con đó.

### Điều 39. Kiểm toán

1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo bộ phận chuyên trách chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau thời điểm kết thúc năm tài chính để phục vụ cho việc lập kế hoạch kiểm toán.
3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## XVII. CON DẤU

### Điều 40. Con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của Pháp luật hiện hành.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

### Điều 41. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành;
  - b. Giải thể trước thời hạn theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
  - c. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
  - d. Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

### Điều 42. Thanh lý

1. Trong thời gian 6 tháng kể từ thời điểm việc giải thể Công ty bắt đầu có hiệu lực pháp lý, Công ty phải thực hiện và hoàn tất các thủ tục thanh lý tài sản. Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm 3 thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Tất cả các chi phí liên quan đến Thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày Ban Thanh lý được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, chủ nợ, người lao động của công ty và bất kỳ bên thứ ba nào.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
  - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
  - d. Các khoản vay (nếu có);
  - e. Các khoản nợ khác của Công ty;



Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước theo thứ tự do Pháp luật và Điều lệ này quy định.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 43. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
  - a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc
  - b. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý khác.thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Nếu không có thoả thuận nào đạt được giữa hai bên tranh chấp trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

## **XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 44. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 45. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này gồm XXI chương 45 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang tổ chức ngày tháng 05 năm 2006 thống nhất thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau được lưu giữ tại Văn phòng Công ty và đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Chữ ký của cổ đông sáng lập

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Ông Trần Quang Nghi  
(Đại diện Tổng Công ty Phong Phú)

Ông Lê Ngọc Hoan

Ông Lê Quang Diệu

Ông Nguyễn Trung Hà

Bà Hồ Dặng Như Duyên